

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 3 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Từ Văn Nhứt**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Chị **Dư Thị Út**;
2. Ông **Trần Văn Nhó**.

Thư ký phiên tòa: Chị **Hồng Thị Xuân**, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Chị **Phạm Thị Hồng Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Yến N**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp N, xã P, tỉnh Cà Mau. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số D N, Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Yến N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2021, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau). Việc kết hôn là do hai người tự nguyện không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung, thường hay cãi vã, anh K thường xuyên đánh chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 cho đến nay. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị N yêu cầu ly hôn với anh K.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh, chị có một người con chung tên Nguyễn Trương Thiện K1, sinh ngày 13/02/2022 (hiện nay cháu K1 đang sống cùng với chị). Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Trương Yến N xác định tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Chị Trương Yến N xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trương Yến N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2021, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau). Ban đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng vào tháng 6 năm 2025 anh có nhậu về, hai vợ chồng cãi nhau nên ông có đánh chị N một lần nhưng sau đó anh, chị đã hòa giải hàn gắn lại, khoảng thời gian gần đây là ngày 22/12/2025 chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh K xác định vợ chồng không còn mâu thuẫn gì để dẫn đến ly hôn, đến ngày 27-28 tháng 12 năm 2025 thì chị N dọn ra nhà trọ sống ly thân với anh. Nay anh K yêu cầu hàn gắn, ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh K xác định, ông và chị N có một người con chung tên Nguyễn Trương Thiện K1, sinh ngày 13/02/2022 (hiện nay cháu K1 đang sống cùng với chị N). Trường hợp ly hôn, anh K đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh K xác định tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Anh K xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh K không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

* **Nguyên đơn chị Trương Yến N** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn K, không có bổ sung thêm gì khác.

* **Bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:** Vợ chồng anh, chị chỉ mâu thuẫn nhỏ, ông có đánh vợ nhưng đã hòa giải và rút kinh nghiệm, anh K yêu cầu được hàn gắn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với chị N.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan**

điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Yến N đối với anh Nguyễn Văn K.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Trương Thiện K1, sinh ngày 13/02/2022 (hiện nay cháu K1 đang sống cùng với chị N) cho chị N tiếp tục trực tiếp trong năm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị Trương Yến N và anh Nguyễn Văn K thống nhất tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Chị Trương Yến N và anh Nguyễn Văn K thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trương Yến N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn K đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Đồng thời, bị đơn anh Nguyễn Văn K cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Yến N và anh Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị N xác định cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung, thường hay cãi vã, anh K

thường xuyên đánh chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh K. Anh K cũng thừa nhận có đánh chị N một lần do mâu thuẫn, nhưng sau đó vợ chồng đã hòa giải hàn gắn.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình, chị N đã dọn ra nhà trọ sống ly thân với anh K, nay chị N cương quyết ly hôn với anh K. Tại phiên tòa, anh K cho rằng, từ khi chị N nộp ly hôn với anh K, anh đã nhiều lần xin lỗi chị N, mua quà tặng và năn nỉ chị N về sống chung, mặc dù, anh K có nhiều biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn. Từ đó, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của anh, chị không có khả năng hàn gắn lại được.

Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, chị N yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với anh K thì việc không tự nguyện chung sống cũng sẽ dẫn đến mục đích trong hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh K.

[2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh K thống nhất có một người con chung tên Nguyễn Trương Thiện K1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2022 (hiện nay cháu K1 đang sống cùng với chị N). Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con và anh K đồng ý đối với yêu cầu của chị N. Xét thấy: đây là ý chí tự nguyện của chị N, anh K, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị N không có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị Trương Yến N và anh Nguyễn Văn K thống nhất tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Chị Trương Yến N và anh Nguyễn Văn K thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trương Yến N chịu 300.000đ.

[5] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Yến N đối với anh Nguyễn Văn K. Chị Trương Yến N được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trương Thiện K1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2022 (hiện nay cháu K1 đang sống cùng với chị N) cho chị Trương Yến N trực tiếp trong nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị Trương Yến N và anh Nguyễn Văn K thống nhất tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Chị Trương Yến N và anh Nguyễn Văn K thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Yến N phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Do chị Trương Yến N đã dự nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007316, ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Văn Nhứt